

Số: 1683/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 23 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 2 dự án: **Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc Tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND thành phố Lai Châu Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 2 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 622/TTr-TNMT ngày 22/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Vàng Văn Cam – Cư trú tại: Bản Cắng Đăng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 128.878.880 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm tám mươi đồng)

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thành.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Vàng Văn Cam có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

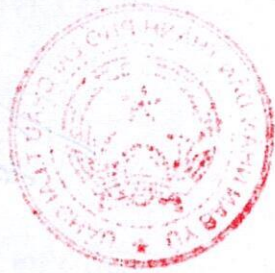
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Quản lý dự án 2 – Bộ GTVT;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng



BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (Bổ sung lần 2)

Dự án: Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc

(Tuyển nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài- Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)

Kèm theo Quyết định số: 1683/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6=4*5	
1	Hộ ông: Vàng Văn Cam					
	Địa chỉ: Bàn Căng Đẳng, xã San Thàng thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)					128.878.880
a	Về đất					17.072.200
1	Diện tích thu hồi	m ²	471,8			
2	Loại đất					
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	192,2	35.000	6.727.000	
	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	270,4	37.000	10.004.800	
	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	9,2	37.000	340.400	
	Vị trí (VT1)					
	Nguồn gốc: - Thửa đất số 542, Tờ ĐĐ số 128 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BQ227640 do UBND TP Lai Châu cấp ngày 7/12/2016. - Thửa đất số 590, 598, 599; tờ ĐĐ số 128 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BQ227641 do UBND TP Lai Châu cấp ngày 7/12/2016. - Thửa đất số 715, Tờ ĐĐ số 128 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BM089164 do UBND TXLC (nay là TPLC) cấp ngày 16/10/2013. - Thửa đất số 1086, tờ ĐĐ số 128 có nguồn gốc đất do ông Vàng Văn Cam khai hoang sử dụng trước năm 1993 (Không có giấy tờ). - Thửa đất số 634, tờ ĐĐ số 110 có diện tích 9,2 m ² theo hồ sơ địa chính đang quy đất UBND xã quản lý là do sai số giữa những lần đo đạc. Thực tế đất của ông Vàng Văn Cam đang sử dụng có nguồn gốc: Do ông Vàng Văn Cam khai hoang sử dụng trước năm 1993 (Không có giấy tờ) Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.					
b	Về tài sản vật kiến trúc					42.390.240
	<i>Toàn bộ tài sản do ông Vàng Văn Cam tạo lập năm 2016, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</i>					
	Phần tài sản nằm trên đất thu hồi					
1	Nền BT đá dăm dày 10 cm (13,5*2,8)	m ²	37,8	83.600	3.160.080	
2	Kè đá xây (32,7*1,2*0,5)	m ³	20	392.700	7.704.774	
3	Cống cuốn Φ 100-300	m	3,0	144.100	432.300	
4	Kè đá xây (7*0,8*0,3)	m ³	1,7	392.700	659.736	
	Phần tài sản nằm trên đất đã thu hồi					
1	Cống sắt (3*1,7)	m ²	5,1	825.000	4.207.500	
2	Cọc BTCT (0,1*0,1*2,1)*45 cọc	cọc	45,0	70.000	3.150.000	
3	Hàng rào lưới B40 (32,7*1,5)+(80*1,5)	m ²	169,1	25.000	4.226.250	
4	Kè đá xây (80*1,2*0,5)	m ³	48,0	392.700	18.849.600	
c	Về cây cối hoa màu					8.195.040
1	Cây chuối cao trên 1,2 m	Cây	42,0	24.000	1.008.000	





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
2	Cây chuối cao dưới 1,2 m	Cây	48,0	18.000	864.000
3	Cây chuối có buồng (20kg/ buồng*10 cây)	đồng/kg	200,0	6.000	1.200.000
4	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ4	Cây	14,0	192.000	2.688.000
5	Cây lấy gỗ D40; h5 m	m ³	0,6	480.000	301.440
6	Khóm tre	Khóm	4,0	14.400	57.600
7	Cây sấu bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	4,0	204.000	816.000
8	Cây ôi bán kính phát tán >4 m	Cây	1,0	600.000	600.000
9	Cây đào bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	1,0	360.000	360.000
10	Cây lấy gỗ D=5-10 cm	Cây	10,0	30.000	300.000
d	Về chính sách hỗ trợ				61.221.400
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác	đồng/m ²	192,2	105.000	20.181.000
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa 1 vụ	đồng/m ²	270,4	148.000	40.019.200
3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nuôi trồng thủy sản	đồng/m ²	9,2	111.000	1.021.200

